

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 5 Tiết 17: PHÒ GIÁ VỀ KINH
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Phò giá về kinh”.	1. Nêu một số hiểu biết của em về Trần Quang Khải? 2. Nêu nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Phò giá về kinh</i>

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

Tuần 5 Tiết 17: PHÒ GIÁ VỀ KINH

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả : Trần Quang Khải (1241-1294)

2. Tác phẩm :

a. Xuất xứ

b. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: ngũ ngôn tứ tuyệt

- Ptbđ: biểu cảm

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đầu.

- Đảo động từ mạnh: Đoạt sáo, cầm Hồ

- Câu 1 đối với câu 2.-> Giọng khỏe, hùng tráng.

--> Không khí chiến gấp gáp, tình cảm phân chấn tự hào.

=> Hai câu thơ đầu khẳng định sức mạnh vô địch, chiến thắng vang dội của quân dân thời Trần.

2. Hai câu cuối.

- Cách nói chắc nịch, súc tích, cô đọng, không hình ảnh, không hoa mỹ → Lời động viên xây dựng , phát triển đất nước trong thời bình và niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước

III. Ghi nhớ/sgk/68

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 5 Tiết 18: TỪ HÁN VIỆT. TỪ HÁN VIỆT (TT)
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Từ Hán Việt. Từ Hán Việt (tt)”.	1. Có mấy loại từ ghép Hán Việt? 2. Từ Hán Việt tạo sắc thái biểu cả như thế nào? Cần lưu ý gì khi sử dụng từ Hán Việt?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

Tuần 5 Tiết 18: TỪ HÁN VIỆT. TỪ HÁN VIỆT (TT)

I. Từ ghép Hán Việt

1. Ví dụ/sgk/70.

son / hà : sông / núi

xâm / phạm: chiếm, lấy/ động, chạm vào.

giang / sơn : đất / nước

→ không phân tiếng chính, tiếng phụ. => **Từ ghép đẳng lập.**

- ái / quốc : yêu/ nước
- thủ / môn : giữ / cửa
- yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau.=> **Từ ghép chính phụ.**

2. Nhận xét

- Từ ghép Hán Việt gồm 2 loại: ghép chính phụ và ghép đẳng lập.
- Ghép chính phụ gồm 2 loại: Chính – phụ; phụ - chính

II. Sử dụng từ Hán Việt

1/ Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm

a. Ví dụ/sgk/81

- Phụ nữ -> Tạo sắc thái trang trọng
- từ trần -> Thể hiện thái độ tôn kính
- tử thi -> Sắc thái tao nhã
- kinh đô, trầm,...-> Sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa

b. Ghi nhớ (SGK/82)

2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt

- Không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời văn thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

III. Luyện tập

1. Tìm 2 từ ghép đẳng lập, 2 từ ghép chính phụ.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 5 Tiết 19: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Tìm hiểu chung về văn biểu cảm”.	1. Khi nào con người cần biểu cảm? 2. Văn biểu cảm có đặc điểm chung nào?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

Tuần 5 Tiết 19: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

I. TÌM HIỂU BÀI

1. Nhu cầu biểu cảm của con người

a. Ví dụ/sgk/71

b. Nhận xét

- Khi muốn giải bày tâm tình, khơi gợi sự đồng cảm của người khác.
- Con người thường biểu cảm về thế giới xung quanh.
- Những bức thư, bài văn, bài thơ... là văn biểu cảm

2. Đặc điểm chung của văn biểu cảm

a. Ví dụ/sgk/71

- Đoạn 1: Tình cảm thương nhớ người bạn đã xa: tình cảm được bộc lộ trực tiếp, gọi thẳng tên đối tượng, nói thẳng tình cảm..
- Đoạn 2: Tình cảm gắn bó với quê hương đất nước: tình cảm bộc lộ gián tiếp qua văn miêu tả.

b. Nhận xét

- Văn biểu cảm có 2 loại: BC trực tiếp và BC gián tiếp.

- Tình cảm trong văn biểu cảm là hứng cảm xúc thẩm nhuần tư tưởng nhân văn.

II. GHI NHỚ/SGK/ 73

.....

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Tuần 5 Tiết 20: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM
Hoạt động 1: Đọc nội dung bài “Đặc điểm của văn bản biểu cảm”.	

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

Tuần 5 Tiết 20: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. Đặc điểm của văn biểu cảm.

1. Ví dụ/sgk/86

Ví dụ 1: Văn bản “Tấm gương”

- Biểu hiện tình cảm, thái độ, sự đánh giá của người viết
- Mượn gương để biểu dương người trung thực, phê phán kẻ dối trá

Bố cục:

MB: Nêu phẩm chất của gương

TB: lợi ích của tấm gương

KB: Khẳng định lại chủ đề

→ Bố cục theo mạch tình cảm

Ví dụ 2: Đoạn văn

- Tình cảm: cô đơn, cầu mong sự cảm thông và giúp đỡ.
- Tình cảm biểu lộ trực tiếp: Tiếng kêu, lời than, câu hỏi biểu cảm.

II. GHI NHỚ/SGK/ 86

HẾT